KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 2

Đoạn 8: Chỉ Tánh Thấy Không Sinh Không Diệt

Chánh văn:

Khi ấy, Tôn giả A-nan cùng cả đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thỉ đến nay bỏ mất bản tâm, lầm nhận sự phân biệt về bóng dáng nơi tiền trần làm tâm, ngày nay được khai ngộ, như em bé mất sữa bỗng gặp mẹ hiền, nên đều chắp tay lễ Phật, xin Đức Như Lai, ở nơi thân tâm, chỉ ra chỗ chân chỗ vọng, chỗ hư chỗ thật, ở nơi hiện tiền, nêu rõ về hai tánh sinh diệt và không sinh diệt.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đứng dậy bạch Phật:

- Trước con chưa được vâng nghe lời Phật dạy bảo, con thấy đám Ca-chiên-diên, Tỳ-la-chi-tử đều nói thân nầy chết rồi thì mất hẳn và gọi đó là Niết-bàn. Nay tuy được gặp Phật nhưng con vẫn còn hồ nghi, xin Phật chỉ rõ thế nào chứng biết tánh không sinh diệt nơi tâm nầy. Hiện nay các hàng hữu lậu trong đại chúng cũng đều trông mong được nghe thấy điều ấy.

Phật bảo:

- Đại vương! Thân ông hiện đó, nay Như Lai hỏi ông: Cái nhục thân đó của ông có như kim cương thường còn, không hư hoại hay lại cũng biến đổi và tan rã?

- Bạch Thế Tôn! Thân con nay rốt cuộc về sau cũng thay đổi và tiêu diệt.

Phật bảo:

- Đại vương! Ông chưa hề bị diệt, làm sao lại biết được là phải diệt?

- Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường thay đổi của con đây, tuy chưa hề bị diệt, song con xét nó hiện nay niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi như lửa thành tro, lần lần tiêu mất, vì tiêu mất, mãi mãi không dừng nên con biết chắc thân nầy rồi phải diệt mất.

Phật dạy:

- Đúng thế! Đại vương tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt của ông so với lúc còn bé thì như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Lúc con bé nhỏ da thịt mởn mơ, đến khi trưởng thành khí huyết sung túc. Nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần lẫn lộn, tóc bạc mặt nhăn, chừng sống không được bao lâu nữa, so sánh sao được với lúc đương còn trẻ mạnh!

Phật bảo:

- Đại vương! Hình dung của ông nào phải đương trẻ mà già liền đâu?

Vua bạch:

- Thưa Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dời đổi, con thật không hay, nắng mưa thấm thoát, lần đến thế nầy. Vì sao? Khi hai mươi tuổi tuy gọi là trẻ, nhưng mặt mày của con đã già hơn khi mười tuổi, khi ba mươi tuổi lại sút hơn lúc hai mươi tuổi và đến nay đã sáu mươi hai tuổi, trông lại lúc năm mươi tuổi, thì lúc ấy còn khỏe mạnh hơn nhiều. Bạch Thế Tôn! Con thấy sự âm thầm dời đổi như thế, thân nầy đến nay tuy đã suy yếu, nhưng trong sự thay đổi, còn chia từng mười năm. Nếu con suy xét chín chắn hơn nữa thì cái biến đổi ấy đâu phải từng một kỷ, thật là mỗi năm mỗi thay đổi, lại đâu mỗi năm mỗi thay đổi mà cũng là mỗi tháng mỗi biến hóa, lại không những mỗi tháng mà còn mỗi ngày mỗi thay đổi, xét cho cùng, nghĩ cho kỹ, trong mỗi sát na, trong mỗi niệm, nó không thể đứng yên, vậy nên con biết thân con rốt cuộc phải biến đổi và tiêu diệt.

Phật bảo:

- Đại vương! Ông thấy biến hóa dời đổi không ngừng, ngộ biết là phải diệt, vậy trong lúc diệt đó, ông có biết trong thân có cái gì là không diệt chăng?

Vua Ba-tư-nặc chắp tay bạch Phật:

- Thật con không biết.

Phật bảo:

- Nay Như Lai chỉ cho ông cái tánh không sinh diệt. Đại vương! Khi ông bao nhiêu tuổi mới thấy được sông Hằng?

Vua bạch:

- Khi con được ba tuổi, mẹ dắt đi yết lễ thần Kỳ-bà thiên thì đã đi qua sông ấy, lúc đó con liền biết nước sông Hằng.

Phật bảo:

- Đại vương! Như lời ông nói: Lúc hai mươi tuổi thì sút hơn lúc lên mười, cho đến nay đã sáu mươi tuổi, từng năm, từng tháng, từng ngày,

từng giờ, dời đổi mãi mãi, vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông ấy, rồi đến khi mười ba tuổi thì nước ấy thế nào?

Vua bạch:

- Con thấy nước ấy cũng giống khi ba tuổi, như nhau không khác và đến nay đã sáu mươi hai tuổi cũng vẫn không khác.

Phật bảo:

- Nay ông xét mình đầu bạc mặt nhăn, mặt ông chắc là nhăn hơn lúc trẻ, vậy cái thấy hiện nay của ông thấy sông Hằng so với cái thấy lúc nhỏ thấy sông Hằng, có già trẻ gì không?

Vua bạch

- Thưa Thế Tôn! Không.

Phật bảo:

- Đại vương! Mặt ông tuy nhăn, nhưng cái thấy đó chưa hề bị nhăn, cái bị nhăn thì thay đổi, còn cái không bị nhăn thì không có thay đổi. Cái thay đổi thì phải diệt, còn cái không thay đổi kia, vốn không sinh diệt, làm sao trong ấy lại nhận cái sống, cái chết của ông, mà ông còn dẫn những thuyết của đám Ma-già-lê bảo thân nầy chết rồi diệt hẳn.

Vua nghe lời Phật dạy như vậy, tin biết về việc sau khi bỏ thân nầy sẽ qua thân khác, cùng với đại chúng hết mực vui mừng, được cái chưa từng có.

**** Chú thích:***

Tôn giả A-nan và cả đại chúng nghe Phật chỉ dạy tánh không lay động đều vui mừng phấn khởi và cầu Phật chỉ dạy thêm về tâm tánh chân thật, đặc biệt nêu rõ cái gì là sinh diệt, còn cái gì không sinh diệt.

Vua Ba-tư-nặc lúc đó đã sáu mươi hai tuổi, vì trước nghe ngoại đạo bảo chết rồi thì mất hẳn nên tâm vẫn hồ nghi và cầu Phật chỉ dạy cho rõ tâm tánh không sinh không diệt.

Phật nương nơi cái thân đã già yếu của vua Ba-tư-nặc mà hỏi đại chúng xét biết xác thịt thay đổi từng năm, từng tháng, từng ngày, từng giờ, cho đến từng giây lát, từng sát na, không lúc nào ngừng. Vì xác thịt dời đổi mãi mãi nên cuối cùng phải già, phải chết, nhưng trong thân thể đó vẫn có cái không già, nên cũng không chết, cái đó là tánh thấy. Phật nhận vua Ba-tư-nặc tuy già, nhưng con mắt còn tỏ, gạn hỏi cái thấy, thấy nước sông Hằng, từ nhỏ đến lớn, có thay đổi gì không, để vua nhận rõ sự thật tánh thấy không có thay đổi, nên không sinh diệt.

Việc nhận rõ chính mình có tánh không sinh diệt là một điều trọng yếu đối với người học đạo. Lúc nhỏ chúng ta nhắm mắt lại, thấy tối đen,

đến khi lớn tuổi, nhắm mắt lại, chúng ta vẫn thấy tối đen như trước, không hề sai khác. Cái thân thể đổi thay từng giây lát, nhất định phải già chết, còn cái tánh thấy, thấy tối đen ấy, trẻ cũng vậy, già cũng vậy, không hề thay đổi, thì đã không già, làm sao lại chết được. Người đời thường cho cái ý thức là tâm của mình, ý thức hiểu biết suy nghĩ được nhiều việc thật, nhưng nó dời đổi mãi mãi, không phải thường trụ, chẳng những trong lúc chết thì nó mất hẳn, mà cả trong lúc ngủ, trong lúc bất tỉnh nhân sự, nó cũng tạm thời gián đoạn. Ngoại đạo thường nhận cái ý thức đó là cái hồn, đâu biết ngoài thân thể ra, ý thức đó không còn nhân duyên mà phát khởi. Nếu chúng ta nương theo cái ý thức thay đổi sinh diệt mà tu hành thì kết quả chỉ có thể là sinh diệt mà thôi.

Vì vậy người học đạo cần phải nương theo tánh bất sinh diệt mà tu tập, cho đến khi sống với tánh bất sinh diệt ấy thì mới chứng được đạo quả thường trụ của chư Phật.

Đoạn 9: Chỉ Chỗ Trái Ngược

Chánh văn:

Lúc nầy, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật, chắp tay quì dài bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Nếu cái thấy nghe đó thật không sinh diệt làm sao Đức Thế Tôn lại cho là chúng con đã bỏ mất chân tánh, làm việc trái ngược?

Khi ấy, Đức Như Lai duỗi cánh tay kim sắc, ngón tay chỉ xuống, bảo A-nan:

- Ông nay thấy tay Mẫu-đà-la của Như Lai là chính hay là ngược?

A-nan bạch:

- Chúng sinh nơi thế gian cho đó là ngược, còn con không biết thế nào là chính, thế nào là ngược.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Nếu người nơi thế gian cho đó là ngược, thì người thế gian gọi thế nào là chính?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Đức Như Lai đưa cánh tay lên, tay Đâu-la-miên chỉ lên trên không thì gọi là chính.

Phật liền giơ cánh tay lên và bảo A-nan:

- Cái trái ngược như thế, chỉ là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau, các người thế gian lặp đi, lặp lại mà xem thấy. Nay lấy cái thân ông và pháp

thân thanh tịnh của chư Như Lai, so theo đó mà nêu rõ, thì thân của Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, thân của các ông gọi là tánh điên đảo, tùy ông xét kỹ nơi thân và thân Phật, cái gọi là trái ngược đó, do ở chỗ nào mà gọi là trái ngược?

Khi ấy, Tôn giả A-nan cùng cả đại chúng chăm chăm ngó Phật, tròng con mắt không lay động, chẳng biết thân tâm chỗ nào trái ngược, Phật khởi lòng từ bi, thương xót A-nan và đại chúng, nên phát ra tiếng hải triều, bảo khắp chúng hội:

- Các thiện nam! Như Lai thường nói: Sắc, tâm, các duyên và các tâm sở, các pháp nơi đối tượng được duyên đều duy tâm tánh biến hiện. Thân ông, tâm ông đều là những vật hiện ra trong tâm tánh. Làm sao các ông lại bỏ mất tâm tánh quý báu ấy, nhận cái mê trong ngộ. Mê muội thành có hư không, trong hư không mê muội ấy, kết cái mê muội thành ra có sắc, sắc xen với vọng tưởng, tưởng tướng làm thân, nhóm các duyên lay động bên trong, dong ruổi theo cảnh vật bên ngoài, rồi lấy cái tướng mờ mịt lăng xăng đó làm tâm tánh. Một phen lầm cái tướng ấy làm tâm thì quyết định lầm cho tâm ở trong sắc thân, mà không biết sắc thân, cho đến núi sông, hư không, đất liền bên ngoài đều là những vật hiện trong tâm tánh. Ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn trong yên lặng, chỉ nhận một cái bọt nước, rồi cho nó là toàn hết cả nước, cùng tột của các biển lớn. Các ông tức là những người mê lầm nhiều lớp, như cánh tay của Như Lai rủ xuống, không có sai khác. Như Lai gọi đó là những kẻ đáng thương xót!

**** Chú thích:***

Đoạn nầy Tôn giả A-nan lại nghĩ nếu cái tánh thấy không sinh diệt, thật là chân tánh của mình thì chân tánh vẫn còn nguyên vẹn đó, sao Phật lại bảo ông bỏ mất chân tánh, làm việc trái ngược.

Phật giơ cánh tay, khi chỉ lên, khi chỉ xuống, để ví dụ với tâm sáng suốt của Phật và tâm mê lầm của chúng sinh. Đồng một cánh tay mà lại thấy có xuôi có ngược, mà lại lấy đầu làm đuôi, lấy đuôi làm đầu thì thật là trái ngược. Cũng như đồng một tâm tánh mà lại thấy có năng (chủ thể) có sở (đối tượng), bỏ tâm tánh đi theo vọng tưởng, rồi nhận vọng tưởng làm tâm tánh làm sao mà không trái ngược được?

Tâm tánh duyên khởi biến hiện ra các sự vật, ra thân, ra cảnh, ra các danh tướng và mọi sự phân biệt hiểu biết. Không nhận ra cái tâm tánh rộng lớn ấy là tâm, chỉ nhận cái ý thức hiểu biết là tâm, tức là bỏ mất cái tánh không sinh diệt và nhận cái sinh diệt làm mình, do đó mới hóa ra có sống có chết.

Toàn thể sự sự vật vật đều theo duyên biến hiện, không phải có, không phải không, không phải sinh, không phải diệt. Riêng nhận cái tâm hay biết làm tự thể thì sự vật khác thành đối lập, nên khi chưa phân biệt thì thấy có hư không bên ngoài, đến khi phân biệt thì trần cảnh đều hiển hiện. Nơi cảnh vật do phân biệt giả dối chia cắt ra từng bộ phận, lại lấy một vật làm bản thân, còn các vật khác thì cho là ngoại cảnh. Thân và cảnh đối đãi với nhau do cảm giác đối đãi giữa thân và cảnh mà ý niệm thường lay động, dong ruổi theo cảnh vật bên ngoài, theo các danh tướng mà suy nghĩ, mà hành động, rồi nhận cái ý thức dong ruổi theo danh tướng đó làm tâm tánh của mình. Khi đã lầm nhận ý thức làm tâm tánh thì nhất định tưởng lầm tâm mình ở trong thân, không biết được tất cả sự sự vật vật đều do tâm tánh biến hiện. Bỏ cả cái tâm tánh rộng lớn bao la, nhận cái xác thịt thường thường biến đổi làm thân, nhận cái ý thức thường thường lay động làm tâm thì nào khác gì bỏ cả trăm ngàn biển lớn, chỉ biết một cái bọt nước, rồi lại lầm nhận cái bọt nước đó là tất cả nước trong thiên hạ.

Đó là bỏ mất chân tánh, đó là việc trái ngược. Bỏ mất chân tánh, làm việc trái ngược như thế là do nhận thức sai lầm, chứ tâm tánh thường còn không thay, không đổi, dầu trong lúc mê lầm, cũng không hề thêm bớt.

Đoạn 10: Lựa Bỏ Tâm Duyên Dựa Để Chỉ Tánh Thấy Không Thể Trả Về Đâu

Chánh văn:

Chi 1*: Trình bày chỗ ngộ, nhưng chưa dám tự nhận.*

Tôn giả A-nan vâng nghe lời Phật từ bi cứu độ dạy bảo, khóc lóc chấp tay bạch Phật:

- Tuy con vâng nghe diệu âm của Phật như vậy, ngộ được chỗ thường trụ viễn mãn sẵn có của tâm tánh, nhưng con ngộ được pháp âm của Phật vừa dạy là con hiện lấy tâm duyên dựa mà thỏa mãn chỗ ước mong, huống được tâm ấy, chưa dám nhận là tâm tánh bản lai, mong Phật thương xót, tuyên lời viên âm, nhổ gốc nghi ngờ của con đem về nơi đạo vô thượng.

Chi 2: *Trách còn nhận ngón tay chỉ để lựa ra tâm phân biệt đều có chỗ trả về.*

Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Các ông còn lấy tâm duyên dựa mà nghe pháp thì cái pháp nhận được đó cũng chỉ là đối tượng được duyên, chứ không phải nhận được

pháp tánh. Ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng cho người khác thì người kia lẽ ra phải nhân ngón tay mà thấy mặt trăng. Nếu như người kia xem ngón tay mà cho đó là mặt trăng thì người ấy chẳng những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất cả ngón tay chỉ nữa. Vì sao? Vì đã nhận ngón tay chỉ làm mặt trăng vậy. Đâu chỉ những bỏ mất ngón tay lại cũng không phân biệt được sáng và tối. Vì sao? Vì lấy ngón tay tối làm mặt trăng sáng thì không biết được hai tánh sáng tối. Ông cũng như vậy. Nếu lấy cái phân biệt về pháp âm của Như Lai làm tâm của ông thì cái tâm ấy phải rời cái phân biệt về tiếng nói mà có tánh phân biệt.

Ví như người khách ngủ trọ nơi quán trạm, ở tạm rồi đi, rốt cuộc ở mãi không được, còn người giữ trạm thì không đi đâu, gọi là chủ trạm. Tâm cũng như vậy, nếu thật là tâm của ông thì không đi đâu, làm sao rời cái tiếng, lại không có tánh phân biệt? Nói như thế, chẳng những đối với tâm phân biệt các tiếng, cái phân biệt về hình dung của ta, rời các sắc tướng, cũng không có tánh phân biệt, như vậy cho đến cái phân biệt đều không, không phải sắc, không phải không, mà đám Câu-xá-ly lầm là minh đế, thì rời các pháp trần, cũng không có tánh phân biệt. Như vậy tâm tánh của ông có chỗ trả về, lấy gì mà làm chủ?

Chi 3: *Khai thị cái thấy không chỗ trả về.*

Tôn giả A-nan bạch:

- Như tâm tánh của con đều có chỗ trả về, thì tâm tánh của Như Lai dạy, làm sao lại không có chỗ trả về? Xin Phật thương xót chỉ bảo cho con về điều ấy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Hãy lấy cái tánh thấy của ông thấy Ta. Tánh thấy ấy tuy không phải là tâm tánh, như mặt trăng thứ hai không phải là thật mặt trăng. Ông hãy lắng nghe cho kỹ, nay Như Lai chỉ cho ông cái nghĩa không thể trả về.

A-nan! Đại giảng đường nầy mở rộng về phương Đông, khi mặt trời lên thì sáng, nửa đêm vắng trăng, mây mù mờ mịt thì lại tăm tối, chỗ có các cửa thì thấy thông suốt, chỗ có tường nhà thì thấy ngăn bịt, chỗ phân biệt được thấy cảnh sắc duyên, trong chỗ trống rỗng toàn là hư không, cảnh tượng mù mịt khi bụi nổi lên, mưa tạnh trời thanh lại thấy trong sạch.

A-nan! Ông đều xem rõ các tướng biến hóa ấy, nay Ta trả các tướng ấy về chỗ bản nhân của nó. Thế nào là bản nhân? A-nan! Trong các tướng biến hóa, cái sáng trả về cho mặt trời. Vì sao? Vì không mặt trời thì không sáng, nguyên nhân của cái sáng thuộc về mặt trời, cho

nên trả cho mặt trời. Cái tối trả về cho trăng tối, thông suốt trả về cho các cửa, ngăn bịt trả về cho tường nhà, sắc duyên trả cho phân biệt, trống rỗng trả về cho hư không, mù mịt trả về cho bụi, trong sáng trả về cho tạnh và trong thế gian có những cái gì, cũng không ra ngoài mấy loại ấy.

Còn cái tánh thấy của ông nhận thấy tám thứ kia thì ông định trả về đâu. Vì sao? Nếu trả về cho sáng thì lúc không sáng lại không thấy tối, nay tuy các thứ sáng tối có sai khác, còn cái thấy thì không có sai khác. Các cái thấy có thể trả về tự nhiên không phải là ông, còn cái không thể trả về được, không phải là ông thì là ai nữa? Vậy nên biết tâm ông vốn là nhiệm mầu, trong sạch, sáng suốt, ông tự mê lầm, bỏ mất tánh bản nhiên mà chịu luân hồi, thường bị chìm đắm trong bể sống chết, nên Như Lai gọi là "đáng thương xót".

**** Chú thích:***

Chi 1: *Trình bày chỗ ngộ, nhưng chưa dám tự nhận.*

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, suy xét hiểu rõ thật có tâm tánh thường trụ

không sinh diệt, nhưng ông tự biết tâm tánh đó còn do ý thức của ông theo lời Phật dạy mà tưởng tượng ra, nên chưa dám nhận là tâm tánh của ông, do đó ông cầu xin Phật chỉ dạy thêm nữa cho hết chỗ nghi hoặc.

Chi 2: *Trách còn nhận ngón tay chỉ để lựa ra tâm phân biệt đều có chỗ trả về.*

Đoạn nầy Phật dạy Tôn giả A-nan nên theo lời Phật dạy mà trực nhận tâm tánh, chứ không nên nương theo lời Phật dạy mà tưởng tượng tâm tánh. Pháp của Phật như ngón tay chỉ mặt trăng, người ta cần nương theo hướng ngón tay chỉ mà trực nhận mặt trăng, chứ nếu lầm nhận ngón tay chỉ làm mặt trăng thì chẳng những trái với ý muốn của người chỉ mà còn không phân biệt được ánh sáng và tối. Pháp của Phật cũng vậy, Phật thuyết pháp cốt để chúng sinh trực nhận tâm tánh. Nếu chúng sinh không nương theo pháp của Phật trực nhận tâm tánh mà là nhận pháp Phật là tâm tánh thì chẳng những trái với mục đích thuyết pháp của Phật mà còn không phân biệt được thế nào là mê, thế nào là ngộ.

Tiếp đó Phật chỉ dạy cho Tôn giả A-nan nên trực nhận tâm tánh, chứ không nên lấy tâm phân biệt tiền trần mà làm tâm tánh. Cái ý thức phân biệt tiền trần, theo tiền trần mà sinh mà diệt đâu phải là thường trụ, dầu cho bỏ hết các sự phân biệt tiền trần riêng giữ một cái không phân biệt thì cái không phân biệt ấy cũng chỉ đối với cái phân biệt mà có, không có tự thể. Ý thức phân biệt tiền trần như khách, không đi về nơi nầy thì đi về nơi khác, nào có ở yên được, người học đạo không thể nương cái tâm vô chủ đó mà tu hành thành được chánh quả.

Chi 3: *Khai thị cái thấy không chỗ trả về.*

Sau đó, để cho Tôn giả A-nan trực nhận tánh thấy không phân biệt là bản tánh của mình, Phật lại chỉ dạy cho ông biết rõ tánh thấy không thể trả về đâu. Tâm tánh thường nhiệm mầu sáng suốt, tánh thấy là tác dụng sáng suốt của tâm tánh, chứ chưa thật là tâm tánh, cũng như người dụi con mắt thấy hai mặt trăng thì không có mặt trăng nào thật là mặt trăng cả, nhưng người học đạo vẫn có thể nương nơi mặt trăng thứ hai mà nhận thật chất của mặt trăng, có một không hai. Phật dìu dắt Tôn giả A-nan nhận trong các tướng cái sáng có thể trả về mặt trời, cái tối trả về cho đêm tối, cái thông suốt trả về cho các cửa, cái ngăn bịt trả về cho tường nhà, hình sắc trả về cho phân biệt, trống rỗng trả về cho hư không, mù mịt trả về cho bụi, trong sáng trả về cho trời tạnh, và trong thế gian, bất cứ cái gì đều có thể trả về cho bản nhân của nó cả.

Duy có cái tánh thấy các thứ kia thì không thể trả về đâu, vì nếu trả về cho sáng thì lúc tối không sáng, lẽ ra không thấy được tối, sự thật thì các thứ sáng tối có sai khác, còn cái thấy vốn không sai khác, cái tánh thấy không lay động, không sinh diệt, trong sạch sáng suốt của Tôn giả A-nan đã không thể trả về đâu được thì nhất định nó là chân tánh của ông chứ không phải của ai khác.

Đoạn 11: **Lựa Riêng Trần Cảnh Để Nêu Ra Tánh Thấy**

Chánh văn:

Chi 1: *Vật không phải ta.*

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Tuy con biết tánh thấy ấy không thể trả về đâu, nhưng làm sao biết được đó là chân tánh của con?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Nay Như Lai lại hỏi ông: Hiện ông chưa được đạo quả vô lậu thanh tịnh, nhờ thần lực của Phật mới thấy được cõi Sơ thiền không bị ngăn ngại. Tôn giả A-na-luật thì thấy cõi

Diêm-phù-đề như xem quả Am-ma-la trong bàn tay. Các vị Bồ-tát thấy trăm ngàn cõi của Như Lai nơi mười phương cùng tột các quốc độ thanh tịnh, số như vi trần, không chỗ nào là không thấy. Còn chúng sinh thì thấy rõ được không quá gang tấc.

A-nan! Như Lai cùng ông hãy xem cung điện của Tứ Thiên vương, chặng giữa xem khắp các loài thủy, lục, không, hành, tuy có nhiều hình

tượng sáng tối khác nhau, nhưng không cái gì là không phải do tiền trần chia cắt ngăn ngại. Ông hãy ở nơi đó phân biệt cái gì là mình, cái gì là vật khác. Nay ta đưa ông lựa trong sự thấy đó, cái gì là tâm thể của ông, cái gì là hình tượng của vật. A-nan! Cùng tột sức thấy của ông, từ mặt trời, mặt trăng đều là vật, chứ không phải ông, đến Thất kim sơn, xem xét cùng khắp, tuy có những thứ hào quang nhưng cũng là vật chứ không phải là ông, lần lần xem đến mây kéo, chim bay, gió động, bụi nổi, cây cối, núi sông, cỏ, rác, người, vật, đều là vật chứ không phải là ông.

Chi 2: *Cái thấy không phải là vật.*

A-nan! Các vật gần xa đó, tuy sai khác nhau, nhưng đồng do cái thấy thanh tịnh của ông trông thấy, còn các thứ vật kia tự có sai khác mà tánh thấy của ông không có sai khác. Cái thấy nhiệm mầu sáng suốt đó thật là tánh thấy của ông.

Nếu cái thấy là vật thì ông cũng có thể thấy cái thấy của Ta. Nếu cho đồng thấy sự vật là thấy cái thấy của Ta thì khi Ta không thấy, sao lại không thấy được cái chỗ không thấy của Ta? Nếu nói thấy cái không thấy thì tự nhiên cái đó không phải là tướng của cái không thấy, còn nếu không thấy được chỗ không thấy của Ta, thì cái thấy bản nhiên không phải là vật, làm sao lại không phải là ông?

Chi 3: *Vật và ta không thể xen lộn.*

Lại như cái thấy là vật thì đương khi ông thấy vật đó, ông đã thấy được vật, vật cũng thấy được ông, thế thì thể tánh xen lộn và ông cùng Ta với cả thế gian không thành lập được.

A-nan! Nếu khi ông thấy là chính ông thấy, chứ không phải là Ta, thì cái thấy cùng khắp đó không phải là ông thì còn là ai nữa?

Làm sao lại tự nghi cái chân tánh của ông. Chân tánh của ông, ông không tự nhận lấy, lại chấp lời nói của Ta mà cầu chứng thật.

Chi 4: *Nghi cái thấy có lớn nhỏ dứt nối.*

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Nếu cái tánh thấy đó chắc là của con chứ không phải ai khác, khi con cùng Như Lai xem cung điện quý báu của Tứ Thiên vương, xem mặt trời, mặt trăng, cái thấy cùng khắp cả cõi Ta-bà, khi lui về tinh xá thì thấy cảnh vườn chùa, đến khi thanh tâm nơi phòng chái thì chỉ thấy chái chùa. Thưa Thế Tôn! Cái thấy như vậy, bản thể của nó cùng khắp một cõi, nay ở trong phòng thì chỉ thấy một phòng, thế là cái thấy rút lớn thành nhỏ hay tường nhà chia cắt làm cho đứt đoạn. Nay con không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật hãy vì con từ bi chỉ rõ.

Chi 5: *Chỉ tiền trần làm ngăn ngại.*

Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Tất cả các thứ trong, ngoài, lớn, nhỏ, của thế gian đều thuộc về tiền trần, không nên nói cái thấy có co có duỗi. Ví như trong đồ vuông thì thấy hư không vuông, nay Ta hỏi ông: Cái hư không vuông thấy được trong đồ vuông ấy, là nhất định vuông hay không nhất định vuông? Nếu nhất định vuông thì khi thay đồ tròn vào, lẽ ra hư không không tròn, nếu không nhất định thì trong đồ vuông, lẽ ra không có hư không vuông. Ông nói không biết nghĩa đó do đâu, nghĩa đó như vậy, sao còn do đâu được.

A-nan! Nếu muốn nhận được tánh không vuông không tròn, chỉ trừ bỏ cái vuông

của đồ đạt, chứ bản thể của hư không vốn không vuông, không nên nói lại phải trừ cả cái vuông của hư không nữa.

Lại như lời ông nói: Khi vào trong phòng, rút cái thấy làm cho nhỏ lại thì khi ngửa xem mặt trời, há lại kéo cái thấy ngang với mặt trời? Nếu xây tường nhà chia cắt cái thấy làm cho đứt đoạn, đến khi xoi một lỗ nhỏ, sao lại không thấy đầu mối. Nghĩa ấy không đúng.

Chi 6: *Khai thị về chuyển được vật.*

Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, lầm mình là vật, bỏ mất tâm tánh, bị vật xoay chuyển, cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ. Nếu biết chuyển được vật thì đồng với Như Lai, thân tâm đều viên mãn sáng suốt, nơi đạo tràng bất động đó, trên đầu một mảy lông cũng có thể trùm chứa mười phương quốc độ.

**** Chú thích:***

Chi 1: *Vật không phải ta.*

Tôn giả A-nan tuy được nghe lời Phật dạy như vậy, tâm còn chưa rõ, mong Phật chỉ cách biết được tánh thấy đó thật là chân tánh của Tôn giả.

Phật đưa Tôn giả A-nan xem tất cả các sự vật từ mặt trời mặt trăng, đến các loài trên không dưới đất, hình tượng tuy có khác nhau, nhưng đều là các sự vật nơi tiền cảnh. Phật chỉ cho Tôn giả A-nan nhận định tất cả sự vật đã thấy được đều là vật, chứ không phải là Tôn giả.

Chi 2: *Cái thấy không phải là vật.*

Tất cả sự vật đều có sai khác, còn tánh thấy của Tôn giả thấy các sự vật thì không có sai khác, tánh thấy đã không phải là vật thì nhất định là tánh thấy của Tôn giả A-nan.

Nếu cái thấy cũng là vật thì người nầy có thể thấy được cái thấy của người khác, nhưng sự thật lại không phải thế. Dầu cho đồng thấy sự

vật là thấy cái thấy của nhau thì khi người ta không thấy, sao lại không thấy được là người ta không thấy. Dầu thấy người ta trông ra một cách thản nhiên mà biết được người ta không thấy thì đó cũng chỉ do tự mình tưởng tượng ra, chứ làm sao lại có thể thấy được cái không thấy. Đã không thấy được cái không thấy, thì tất nhiên cũng không thấy được cái thấy, và cái thấy đã không phải là vật thì nó phải là tâm của Tôn giả A-nan.

Chi 3: *Vật và ta không thể xen lộn.*

Lại nữa, tâm có hay biết, vật không hay biết, nếu cái thấy là vật thì vật cũng thành có hay biết và như thế thì tâm cũng không thành tâm, vật cũng không thành vật nữa.

Rồi Phật kết luận, khi Tôn giả A-nan thấy thì chính là Tôn giả thấy chứ không phải người khác, vậy cái tánh thấy không lay động, không sinh diệt, rộng lớn thanh tịnh đó không phải là của A-nan thì còn của ai nữa, sao A-nan lại còn cầu Phật chứng thật tánh thấy đó là của A-nan.

Chi 4: *Nghi cái thấy có lớn nhỏ dứt nối.*

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy thì lại nghĩ tánh thấy không nhất định là rộng lớn, vì khi xem mặt trời mặt trăng thì thấy cùng khắp, đến khi vào trong một phòng thì chỉ thấy trong phòng. Rồi ông nghi vì có tướng nhà chia cắt mà tánh thấy đứt đoạn.

Chi 5: *Chỉ tiền trần làm ngăn ngại.*

Phật dạy Tôn giả A-nan không nên lấy vật làm mình, tất cả những thứ: Xa, gần, lớn, nhỏ, đều là trần cảnh, đâu phải cái thấy kéo ra hay rút lại. Như trong đồ vuông thì thấy hư không vuông, trong đồ tròn thì thấy hư không tròn, vuông và tròn là hình

dáng của các đồ đạc, nếu muốn không có vuông tròn thì chỉ trừ bỏ các đồ đạc đi, chứ hư không vốn không vuông tròn. Cái thấy cũng vậy, khi ở trong phòng chỉ thấy trong một phòng, đến khi ngửa xem mặt trời, đâu lại cần phải kéo cái thấy cho ngang mặt trời. Vậy nên biết lớn nhỏ thuộc về tiền cảnh, chứ cái thấy đâu có lớn nhỏ.

Chi 6: *Khai thị về chuyển được vật.*

Tâm của chúng sinh bị vật xoay chuyển đến nỗi nhận sự nầy vật khác là mình, lầm mình là sự nầy vật khác, do đó mới nghĩ rằng tánh thấy có lớn có nhỏ. Nếu chuyển được sự vật là tâm tánh, sự vật theo tâm tánh mà biến hiện, trong lớn có thể hiện ra nhỏ, trong nhỏ có thể hiện ra lớn, không có gì ngăn ngại cả.